



Tờ giới thiệu sản phẩm

Tên trước đây: Shell Malleus Grease JB 2

Shell Gadus S2 U1000D 2

- Bảo vệ chịu tải nặng
- Nhiệt độ cao
- Đất sét

Mỡ bôi trơn ổ trượt chịu tải nặng chất lượng cao

Shell Gadus S2 U1000D là mỡ bôi trơn công nghiệp, chịu tải nặng, nhiệt độ cao dùng cho các ứng dụng ổ trượt tốc độ chậm hoạt động khắc nghiệt. Mỡ được đặc chế từ chất làm đặc không phải xà phòng vô cơ kết hợp với dầu gốc có độ nhớt rất cao và có chứa chất bôi trơn molybdenum disulphide (MoS₂)

Shell Gadus S2 U1000D mang lại khả năng bôi trơn hài hòa, có tuổi thọ hoạt động cao ở nhiệt độ vận hành lên đến 200°C. Mỡ cũng đặc biệt hữu ích cho các ứng dụng khó tiếp cận hoặc đang bị mài mòn nghiêm trọng.

DESIGNED TO MEET CHALLENGES

Các Tính năng & Lợi ích

• Điểm nhỏ giọt cao

Chất làm đặc vô cơ có điểm nhỏ giọt cao và chất lượng của mỡ chỉ bị giới hạn bởi đặc tính của dầu và các thành phần phụ gia.

• Ít tiêu hao mỡ

Chất làm đặc được xử lý đặc biệt giúp giảm thiểu tiêu hao mỡ trong ổ đỡ bằng cách giảm xu hướng dầu gốc bị tách ra khỏi mỡ khi nhiệt độ tăng cao.

• Độ bền oxy hóa tuyệt vời và ít bay hơi

Đặc tính này giúp mỡ có tuổi thọ hoạt động cao trong các ổ trượt vận hành ở nhiệt độ từ 10°C đến 200°C.

• Hệ số ma sát thấp và đặc tính bôi trơn tốt

Dễ dàng phân phối, kích thước các phần tử hạt nhỏ, molybdenum disulphide hoạt động như một chất bôi trơn rắn mang lại khả năng bôi trơn tốt và hệ số ma sát thấp trong điều kiện chịu cực áp.

- Ổ trượt
 - Chốt chặn
 - Ống lồng
 - Bánh răng hở
 - Ổ trượt cấp liệu lò sưởi/ hơi
 - Ổ trượt máy nghiền Xi măng
 - Ổ trượt máy ép mía
 - Lò đúc
 - Bánh răng cửa lò nung kim loại
 - Các cơ cấu trong lò sấy
 - Cơ cấu cam và bộ phận bị dẫn động tốc độ chậm
- Shell Gadus S2 U1000D 2 khuyến nghị KHÔNG sử dụng cho các ổ bi.

Các Tiêu chuẩn kỹ thuật, Chấp thuận & Khuyến nghị

Để có danh mục đầy đủ các Khuyến cáo và Chấp thuận, có thể tham khảo Bộ phận Kỹ thuật Shell.

Các Ứng dụng chính



Các tính chất vật lý điển hình

| Tính chất | Phương pháp | Shell Gadus S2 U1000D 2 |
|-----------------|-------------|-------------------------|
| Độ cứng NLGI | | 2 |
| Màu sắc | | Xám đen |
| Chất làm đặc | | Bentonite Đất sét |
| Dầu gốc | | Khoáng |
| Độ nhớt dầu gốc | @40°C cSt | ASTM D445 1000 |
| Độ nhớt dầu gốc | @100°C cSt | ASTM D445 42 |

| Tính chất | | | Phương pháp | Shell Gadus S2 U1000D 2 |
|---------------|-------|-------|-------------|-------------------------|
| Độ xuyên kim | @25°C | 0.1mm | ASTM D217 | 265-295 |
| Điểm nhỏ giọt | | °C | IP 396 | 300 |

Các tính chất này đặc trưng cho sản phẩm hiện hành. Những sản phẩm trong tương lai của Shell có thể thay đổi chút ít cho phù hợp theo quy cách mới của Shell.

Sức khỏe, An toàn & Môi trường

- Sức khỏe và An toàn**

Shell Gadus S2 U1000D không gây bất cứ nguy hại nào đáng kể cho sức khỏe và an toàn khi sử dụng đúng theo khuyến cáo, tuân thủ các tiêu chuẩn vệ sinh công nghiệp và cá nhân.

Tránh tiếp xúc với da. Dùng găng tay không thấm đối với dầu đã qua sử dụng. Nếu tiếp xúc với da, rửa ngay lập tức bằng xà phòng và nước.

Để có thêm hướng dẫn về sức khỏe và an toàn, tham khảo thêm Bản dữ liệu an toàn sản phẩm Shell tương ứng từ <http://www.epc.shell.com>

- Bảo vệ môi trường**

Tập trung dầu đã qua sử dụng đến điểm thu gom quy định. Không thải ra cống rãnh, mặt đất hay nguồn nước.

Thông tin bổ sung

- Chu kỳ tái bơm mỡ**

Đối với các ổ đỡ vận hành trong điều kiện gần sát với nhiệt độ vận hành tối đa của mỡ thì tần suất tái bơm mỡ nên được xem xét lại.

- Tư vấn**

Tham khảo Đại diện Shell về các ứng dụng không được đề cập tại đây.